TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **36** /2026/QĐST-DS	*Đà Nẵng, ngày 07 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 4 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 547/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Kim H**; Sinh năm: 1963; CCCD: 048163000312; Địa chỉ: K15/6 Phan Đình Phùng, phường H, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn:*

+ Ông **Lê Văn T**; Sinh năm: 1965; CCCD: 048065001279. Địa chỉ: Thôn S, xã B, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà **Lê Thị Thanh H**; Sinh năm: 1975; CCCD: 048175007416. Địa chỉ: Thôn S, xã B, thành phố Đà Nẵng.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà **Lê Thị Minh T**; Sinh năm: 1967; CCCD: 048167007355. Địa chỉ: K134/H12/3 Núi Thành, phường H, thành phố Đà Nẵng.

+ Ông **Lê Văn M**; Sinh năm: 1972; CCCD: 048072008257. Địa chỉ: Thôn S, xã B, thành phố Đà Nẵng.

+ Ông **Lê Văn K**; Sinh năm: 1978; CCCD: 048078001276. Địa chỉ: Thôn S, xã B, thành phố Đà Nẵng.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Xác định di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị P là: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1606, tờ bản đồ số 34, diện tích 1.354,3m² (trong đó có 300m² đất ở và 1.054,3m² đất trồng cây hằng năm khác), tọa lạc tại thôn S, xã H, huyện H (nay là xã B), thành phố Đà Nẵng do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 925588 cấp ngày 26/11/2021 đứng tên bà Nguyễn Thị P (số vào sổ cấp GCN: CTs 227201) có giá trị tại thời điểm tháng 1/2026 là 3.815.063.000 đồng (ba tỷ

tám trăm mười lăm triệu không trăm sáu mươi ba nghìn đồng) theo chứng thư thẩm định giá của Công ty TNHH T số 434/2026/37 ngày 23/3/2026.

- Đối với phần cây trồng trên đất không phải là di sản của bà Nguyễn Thị P để lại, đây là cây cối do ông Lê Văn K trồng trọt gồm: 2 cây chôm chôm; 1 cây mít; 10 cây bưởi có quả và 10 cây bưởi không có quả có giá: 73.500.000 đồng (bảy mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) theo chứng thư thẩm định giá của Công ty TNHH T số 434/2026/37 ngày 23/3/2026.

2. Hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị P gồm 6 người: Bà Lê Thị Kim H, Ông Lê Văn T, Bà Lê Thị Minh T, Ông Lê Văn M, Bà Lê Thị Thanh H; Ông Lê Văn K.

3. Giá trị mỗi kỷ phần: Thừa kế nhận tương đương với số tiền là: 635.843.833 đồng (sáu trăm ba mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

4. Phân chia di sản thừa kế:

4.1. Về thửa đất: Giao toàn bộ thửa đất thửa đất số 1606, tờ bản đồ số 34, diện tích 1.354,3m² (trong đó có 300m² đất ở và 1.054,3m² đất trồng cây hằng năm khác), tọa lạc tại thôn S, xã H, huyện H (nay là xã B), thành phố Đà Nẵng do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 925588 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 26/11/2021 đứng tên bà Nguyễn Thị P (số vào sổ cấp GCN: CTs 227201) cho Lê Thị Thanh H quản lý, sử dụng, định đoạt.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chổ của Tòa án Nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng ngày 11/3/2026:

Thửa đất có hiện trạng theo đúng Giấy chứng nhận đã cấp.

Có tứ cận: Phía Đông giáp đường bê tông; Phía Tây giáp đất bà T; Phía Nam giáp đường bê tông; Phía Bắc giáp đất bà T.

Bà Lê Thị Thanh H được liên hệ với các cơ quan thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất được giao theo quy định pháp luật.

Bà Lê Thị Kim H phải có trách nhiệm bàn giao Giấy chứng nhận DC 925588 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 26/11/2021 đứng tên bà Nguyễn Thị P cho bà Lê Thị Thanh H để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận vào ngày 14/5/2026.

- Bà Lê Thị Thanh H có trách nhiệm thối trả cho ông Lê Văn T, Bà Lê Thị Minh T, Ông Lê Văn M, Bà Lê Thị Kim H, Ông Lê Văn K mỗi người số tiền 635.843.833 đồng

Thời gian và phương thức trả tiền: Trả 1 lần vào ngày 14/5/2026

4.2 Về cây trồng trên đất: Giao toàn bộ cây trồng trên đất bao gồm: 02 cây chôm chôm; 01 cây mít; 10 cây bưởi có quả và 10 cây bưởi không có quả cho bà Lê Thị Thanh H quản lý, sử dụng, định đoạt

Bà Lê Thị Thanh H có trách nhiệm thối trả cho ông Lê Văn K số tiền 73.500.000 đồng

Thời gian và phương thức trả tiền: Trả 1 lần vào ngày 14/5/2026

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 5.000.000 đồng, chi phí định giá tài sản: 39.000.000 đồng. Tổng cộng 44.000.000 đồng, các bên đương sự thỏa thuận mỗi người phải chịu 7.333.333 đồng. Bà Lê Thị Kim H đã tạm ứng và thanh toán xong nên ông T, ông K, ông M, bà H, bà T mỗi người phải thối trả lại số tiền này cho bà Lê Thị Kim H.

6. Về án phí DSST: Căn cứ theo Điểm a khoản 7 Điều 27, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án

Bà Lê Thị Kim H ông Lê Văn T là người cao tuổi (có đơn xin miễn nộp tiền án phí) nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bà Lê Thị Minh T, bà Lê Thị Thanh H, ông Lê Văn M, ông Lê Văn K mỗi người phải chịu 14.716.876 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm mười sáu nghìn tám trăm bảy mươi sáu đồng).

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS nhân dân khu vực 4 - ĐN;
- Phòng THADS khu vực 4;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hạnh

TAND KHU VỰC 4

WYG070526.TL.QDBA
1190